

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN TÍNH TÍCH CỰC VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Ngô Đức Chiến*, Nguyễn Thị Ngọc và Phan Thoại Chiêu

Khoa Kinh tế, Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: chiennd@dau.edu.vn*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 04/01/2023; Ngày nhận chỉnh sửa: 02/02/2023; Ngày duyệt đăng: 04/3/2023

Tóm tắt

Thông qua các khái niệm cơ bản về tính tích cực trong học tập, kết quả học tập, các giả thuyết nghiên cứu và các công trình nghiên cứu đi trước, nhóm tác giả tiến hành khảo sát 343 sinh viên đang theo học tại thành phố Đà Nẵng nhằm đánh giá tác động của các nhân tố đến tính tích cực trong học tập và kết quả học tập của sinh viên tại thành phố Đà Nẵng. Từ đó, nhóm tác giả ứng dụng phần mềm SPSS và AMOS thông qua các phép phân tích cơ bản trong nghiên cứu định lượng như thống kê, đánh giá độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố EFA & CFA, mô hình SEM để thể hiện rõ kết quả các nhân tố tác động đến tính tích cực trong học tập và kết quả học tập của sinh viên tại thành phố Đà Nẵng. Kết quả nghiên cứu cho thấy: (1) Các nhân tố Cơ sở vật chất, Đội ngũ giảng viên, Chương trình đào tạo có ý nghĩa thống kê trong việc tác động đến Tính tích cực trong học tập của sinh viên; (2) Và nhân tố Tính tích cực trong học tập của sinh viên có ý nghĩa thống kê trong việc tác động đến Kết quả học tập của sinh viên.

Từ khóa: *Kết quả học tập, sinh viên, tính tích cực trong học tập.*

Mã JEL: *C51, C81*

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.12.6.2023.1116>

Trích dẫn: Ngô, Đức C., Nguyễn, T. N., & Phan, T. C. (2023). Nghiên cứu các nhân tố tác động đến tính tích cực và kết quả học tập của sinh viên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 12(6), 61-73. <https://doi.org/10.52714/dthu.12.6.2023.1116>.

FACTORS AFFECTING STUDENT'S POSITIVE LEARNING AND LEARNING OUTCOMES IN DANANG CITY

Ngo Duc Chien*, Nguyen Thi Ngoc, and Phan Thoai Chieu

Faculty of Economics, Danang Architecture University, Vietnam

**Corresponding author: chiennd@dau.edu.vn*

Article history

Received: 04/01/2023; Received in revised form: 02/02/2023; Accept: 04/3/2023

Abstract

Through the basic concepts of positive learning and learning outcome, the authors conducted a survey of 343 students in Danang city to assess factors affecting their positive learning and learning outcomes. The SPSS and AMOS software are used for relevant data analysis. The research results show that: (1) facilities, teaching staff, and training programs are statistically significant in affecting positive learning; (2) then, positive learning is significantly affecting learning outcomes.

Keywords: *Learning outcomes, positive learning, student.*

JEL Code: C51, C81.

1. Đặt vấn đề

Với bối cảnh bùng nổ công nghệ thông tin và kỹ thuật sẽ làm đa dạng các hình thức tiếp cận tri thức của người học và cụ thể hơn, sinh viên thời đại mới ngày nay có nhiều cách để tiếp thu tri thức, tuy nhiên việc chủ động nắm bắt thông tin và tiếp nhận kiến thức không phải ai cũng chủ động làm điều đó (Bonniwell & cs., 2016; Halliday & cs., 2019).

Thời gian đào tạo ở trường là có giới hạn trong khi hình thức giáo dục truyền thống đã bộc lộ nhiều hạn chế, khối lượng kiến thức được ứng dụng của một con người được đào tạo ở một lĩnh vực cụ thể nào đó chỉ có khoảng 20% kiến thức học được ở nhà trường và 80% số kiến thức còn trống là do nhu cầu công việc không học được từ nhà trường (Hofman & cs., 2005).

Tính tích cực trong học tập là một phẩm chất vô cùng quý giá của người học trong xã hội hiện đại và giữ một vai trò đặc biệt trong việc nâng cao hiệu quả của quá trình dạy học (Conoley & cs., 2014; Halliday & cs., 2019). Việc nghiên cứu tính tích cực trong học tập của sinh viên, đưa ra biện pháp nhằm phát huy tính tích cực trong học tập của sinh viên ở các chuyên ngành không chỉ là nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường mà còn là nhiệm vụ của từng giảng viên khi tham gia giảng dạy. Việc chỉ ra thực trạng tính tích cực học tập của sinh viên không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc (Halliday & cs., 2019). Đề hội nhập quốc tế thì việc nâng cao tính tích cực trong hoạt động học của sinh viên là điều rất thiết yếu vì đó là động lực cho việc cải tiến và cập nhật nội dung đào tạo một cách nhanh nhất và mới nhất (Bonniwell & cs., 2016; Kern & cs., 2017b; Halliday & cs., 2019).

Không những thế, thông qua tính tích cực, các sinh viên càng tích cực trong học tập thì họ sẽ có kết quả học tập cao hơn các sinh viên thiếu đi tính tích cực trong học tập (Akwa & cs., 2016; Al-mehsin & Abdul-Aziz, 2017).

Cùng với đó, trong thời gian gần đây, các sinh viên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng rất quan tâm đến kết quả học tập của mình, điều này xuất phát từ định hướng tìm kiếm công việc sau khi tốt nghiệp của các bạn sinh viên. Không những thế, tính tích cực được xem là nền tảng thúc đẩy kết quả học tập của sinh viên (Akwa & cs., 2016; Al-mehsin và Abdul-Aziz, 2017). Do đó, việc xem xét đến tính tích cực và kết

quả học tập của sinh viên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là điều rất cần thiết.

Nhận thức được tầm quan trọng của tính tích cực trong học tập và kết quả học tập, nhóm tác giả quyết định thực hiện nghiên cứu “Nghiên cứu các nhân tố tác động đến tính tích cực và kết quả học tập của sinh viên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”. Nghiên cứu này sẽ góp phần đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến tính tích cực trong học tập và kết quả học tập của sinh viên tại thành phố Đà Nẵng và đề xuất các hàm ý quản trị nhằm nâng cao tính tích cực trong học tập và kết quả học tập của sinh viên tại thành phố Đà Nẵng.

2. Cơ sở lý luận và giả thuyết nghiên cứu

2.1. Khái niệm về tính tích cực

Tính tích cực từ lâu đã được các nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, có thể nói đây không còn là vấn đề xa lạ nữa. Đứng ở mỗi góc độ, mỗi trường phái lại nghiên cứu tính tích cực theo những phương diện khác nhau, nghiên cứu ở những đối tượng, khách thể khác nhau (Vũ, 2011; Halliday & cs., 2019).

Tính tích cực của cá nhân gắn liền với trạng thái hoạt động của chủ thể. Tính tích cực bao hàm tính chủ động, sáng tạo, tính có ý thức của chủ thể trong hoạt động. Tính tích cực của cá nhân là một thuộc tính của nhân cách được đặc trưng bởi sự chi phối mạnh mẽ của các hành động đang diễn ra đối với đối tượng. Tính tích cực thể hiện ở sự nỗ lực cố gắng của bản thân, ở sự chủ động, tự giác hoạt động và cuối cùng là kết quả cao của hoạt động có mục đích của chủ thể. Tính tích cực được nảy sinh, hình thành, phát triển trong hoạt động (Vũ, 2011; Halliday & cs., 2019).

2.2. Khái niệm về tính tích cực trong học tập

Tính tích cực trong học tập là một khái niệm dùng để chỉ quá trình huy động các yếu tố bên trong (nhận thức, cảm xúc,...) kết hợp với các biểu hiện bên ngoài thông qua các cử chỉ, lời nói, hành vi để nhằm thực hiện mục đích học tập mà chủ thể hành động hướng tới (Thái, 2003).

Tính tích cực trong học tập là tính tích cực cá nhân được phân hóa và hướng vào giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ học tập để đạt các mục tiêu học tập. Tính tích cực trong học tập bao gồm hai hình thái bên trong và bên ngoài. Tính tích cực trong học tập và tính tích cực nhận thức tuy có mối liên hệ chặt chẽ với nhau (tính tích cực nhận thức là tiền đề thúc

đây tính tích cực trong học tập) nhưng không phải là một, có nhiều trường hợp tính tích cực trong học tập thể hiện ra bên ngoài chứ không phải là tính tích cực trong tư duy, đây chính là hình thái bên ngoài của tính tích cực (hành vi, hành động, phương thức hành động...). Ngoài ra tính tích cực trong học tập còn có mối quan hệ nhân quả với các phẩm chất nhân cách của người học như: tính tự giác, tính độc lập tư duy, tính chủ động và tính sáng tạo (Vũ, 2011).

2.3. Khái niệm về kết quả học tập

Kết quả học tập là một khái niệm thường được hiểu theo hai quan niệm khác nhau trong thực tế cũng như trong khoa học, theo đó: Thứ nhất: Kết quả học tập đó là mức độ thành tích mà một chủ thể học tập đã đạt, được xem xét trong mối quan hệ với công sức, thời gian đã bỏ ra, với mục tiêu xác định; Thứ hai: Kết quả học tập còn là mức độ thành tích đã đạt của một học sinh so với các bạn học khác (Gabdrakhmanova & cs., 2019).

Không những vậy, kết quả học tập là mức độ đạt được kiến thức, kỹ năng hay nhận thức của người học trong một lĩnh vực nào đó (môn học) (Al-mehsin & Abdul-Aziz, 2017).

2.4. Các giả thuyết nghiên cứu

2.4.1. Mối quan hệ giữa Cơ sở vật chất và Tính tích cực trong học tập của sinh viên

Cơ sở vật chất được xem là nền tảng cho việc vận hành của mọi tổ chức, là động lực thúc đẩy và truyền cảm hứng cho việc thực thi các công việc và đạt mục tiêu công việc nhanh nhất, vì vậy, cơ sở vật chất tại các đơn vị giáo dục luôn đóng vai trò trong việc thúc đẩy tinh thần học tập của người học (Conoley & cs., 2014). Cùng với đó, có nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, cơ sở vật chất càng tốt thì tính tự học và suy nghĩ tích cực trong tư duy người học ngày một nâng cao (Conoley & cs., 2014; Halliday & cs., 2019). Các đơn vị giáo dục có diện tích rộng, trang thiết bị đầy đủ với hệ thống âm thanh, ánh sáng tốt là điều kiện giúp sự tích cực trong học tập của sinh viên được cải tiến (Halliday & cs., 2019).

Vì vậy, nhóm nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:

Giả thuyết 1 (H₁): Cơ sở vật chất tác động tích cực đến Tính tích cực trong học tập của sinh viên.

2.4.2. Mối quan hệ giữa Đội ngũ giảng viên và Tính tích cực trong học tập của sinh viên

Đội ngũ giảng viên luôn đóng vai trò to lớn

trong môi trường giáo dục, chính giảng viên là người truyền cảm hứng chinh phục tri thức cho người học và thúc đẩy tính tích cực trong việc học tập của người học (Halliday & cs., 2019). Do đó, việc nghiên cứu sự tác động của đội ngũ giảng viên đến tính tích cực trong học tập là điều rất cần thiết. Thông qua đội ngũ giảng viên người học có thể tìm kiếm được định hướng đúng đắn hơn trong việc bổ sung và tiếp nhận tri thức mới (Conoley & cs., 2014; Halliday & cs., 2019). Cùng với đó, các nghiên cứu khác cho thấy, các giảng viên càng tận tâm, luôn chỉ dẫn cho người học thì người học sẽ dễ dàng có tính tích cực hơn trong học tập (Halliday & cs., 2019).

Vì vậy, nhóm nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:

Giả thuyết 2 (H₂): Đội ngũ giảng viên tác động tích cực đến Tính tích cực trong học tập của sinh viên.

2.4.3. Mối quan hệ giữa Chương trình đào tạo và Tính tích cực trong học tập của sinh viên

Chương trình đào tạo là kim chỉ nam dẫn dắt người dạy và người học đi đến mục tiêu chinh phục tri thức, do đó, chương trình đào tạo đóng vai trò to lớn trong việc cải thiện tính tích cực trong việc học tập của người học (Bonniwell & cs., 2016; Kern & cs., 2017b; Halliday & cs., 2019). Chương trình đào tạo càng bám sát thực tế và nhu cầu người học thì người học càng hứng thú và cải thiện được tinh thần tốt nhất khi tham gia vào học tập (Conoley & cs., 2014; Halliday & cs., 2019). Do đó, việc nghiên cứu sự tác động của chương trình đào tạo đến tính tích cực trong học tập là điều rất cần thiết.

Vì vậy, nhóm nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:

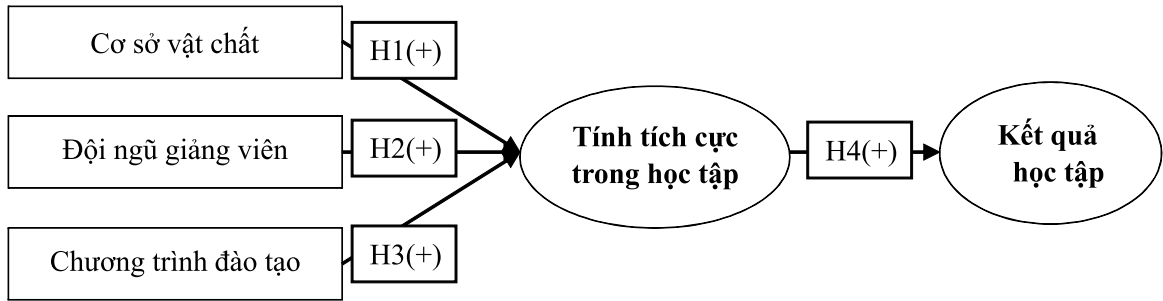
Giả thuyết 3 (H₃): Chương trình đào tạo tác động tích cực đến Tính tích cực trong học tập của sinh viên.

2.4.4. Mối quan hệ giữa Tính tích cực trong học tập và Kết quả học tập của sinh viên

Các sinh viên có tính tích cực cao thông thường sẽ chủ động trong việc học tập, điều đó thể hiện qua việc các sinh viên chủ động hoàn thành các bài tập được giao một cách đúng hạn và thường xuyên chuẩn bị bài trước khi đến lớp (Akwa & cs., 2016, Al-mehsin & Abdul-Aziz, 2017). Không những vậy, các sinh viên có tính tích cực cao trong học tập họ sẽ chủ động hơn trong việc trao đổi các ý kiến và tìm hiểu các kiến thức chưa rõ (Akwa & cs., 2016, Al-mehsin & Abdul-Aziz, 2017). Do đó, khi các sinh

viên càng tích cực trong học tập thì kết quả học tập của sinh viên càng cao (Al-mehsin & Abdul-Aziz, 2017).

Vì vậy, nhóm nghiên cứu đề xuất giả thuyết sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng các phương pháp cụ thể như sau:

Nghiên cứu định tính: Thông qua việc tổng hợp các khái niệm cơ bản liên quan đến tính tích cực, kết quả học tập và kết quả từ các nhà nghiên cứu đi trước liên quan đến chủ đề tác giả nghiên cứu để đề xuất các giả thuyết và xây dựng mô hình nghiên cứu; sau đó, tác giả tiến hành thảo luận cùng với 10 chuyên gia để hiệu chỉnh và bổ sung các thang đo cũng như mô hình nghiên cứu cho phù hợp hơn với bối cảnh nghiên cứu. Kết quả thảo luận với 10 chuyên gia cho thấy:

- Các chuyên gia hoàn toàn đồng ý với mô hình nghiên cứu đề xuất và các thang đo trong mô hình nghiên cứu của nhóm tác giả, thông qua mô hình nghiên cứu của nhóm tác giả cho thấy được các nhân tố tác động đến tính tích cực trong học tập và mối quan hệ giữa tính tích cực trong học tập và kết quả học tập của sinh viên.

Giả thuyết 4 (H₄): Tính tích cực trong học tập tác động tích cực đến Kết quả học tập của sinh viên.

Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu cụ thể như sau:

- Cùng với đó, các chuyên gia đề xuất nên chỉnh sửa câu chữ của biến quan sát VC3 thuộc nhân tố Cơ sở vật chất từ nội dung “Ánh sáng và âm thanh đảm bảo đủ cho người học” thành “Phòng học đảm bảo đủ ánh sáng và âm thanh cho người học” cho rõ nghĩa hơn.

Nghiên cứu định lượng: Tác giả thực hiện thông qua phương pháp khảo sát thuận tiện, với sự phát phiếu ngẫu nhiên cho các sinh viên và nhận lại kết quả ngay. Từ đó nhóm tác giả áp dụng các phép phân tích cơ bản như thống kê, đánh giá độ tin cậy Cronbach’s Alpha, phân tích nhân tố EFA & CFA, mô hình SEM từ dữ liệu điều tra khảo sát 350 sinh viên và thu về 343 quan sát hợp lệ. Kết quả nghiên cứu định lượng phản ánh cụ thể tác động của các nhân tố đến Tính tích cực trong học tập và tác động của Tính tích cực trong học tập đến Kết quả học tập của sinh viên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Bảng 1. Các thang đo thuộc các nhân tố trong mô hình nghiên cứu

Nhân tố	Mã hóa	Thang đo	Nguồn
Cơ sở vật chất	VC1	Diện tích phòng học đảm bảo số lượng sinh viên tham gia học tập	Conoley & cs. (2014); Halliday & cs. (2019)
	VC2	Trang thiết bị phòng học đầy đủ và đảm bảo sức khỏe người học	
	VC3	Phòng học đảm bảo đủ ánh sáng và âm thanh cho người học	
Đội ngũ giảng viên	GV1	Giảng viên truyền đạt kiến thức và kinh nghiệm thực tế trong quá trình giảng dạy	Conoley & cs. (2014); Halliday & cs. (2019)
	GV2	Giảng viên luôn đảm bảo tính mới, cập nhật tri thức mới cho người học	
	GV3	Giảng viên luôn hướng dẫn đầy đủ, chi tiết về môn học và tận tình hỗ trợ các thắc mắc của người học	

Chương trình đào tạo	CT1	Chương trình đào tạo luôn có các nội dung thực tế cho người học	Conoley & cs. (2014); Halliday & cs. (2019)
	CT2	Chương trình đào tạo đảm bảo đủ số lượng về thời gian và nội dung kiến thức chuyên ngành cho người học	
	CT3	Chương trình đào tạo được cập nhật và đổi mới để phù hợp với thực tế và nhu cầu người học	
	CT4	Chương trình đào tạo được giới thiệu cụ thể đến người học	
Tính tích cực	TC1	Người học cảm thấy vui thích khi đến lớp học	Conoley & cs. (2014); Boniwell & cs. (2016); Halliday & cs. (2019)
	TC2	Người học sẵn sàng giới thiệu cho bạn bè về ngành học mình đang theo học	
	TC3	Người học cố gắng để đạt kết quả cao nhất trong các kỳ đánh giá	
Kết quả học tập	KQ1	Người học đạt được kết quả như mong muốn	Akwa & cs. (2016), Al-mehsin & Abdul-Aziz (2017)
	KQ2	Kết quả học tập phản ánh đúng thực lực của người học	
	KQ3	Kết quả học tập đảm bảo tính công bằng và chính xác	

Căn cứ vào số lượng biến trong mô hình nghiên cứu, đồng thời dựa vào lý thuyết cho các nghiên cứu có áp dụng phép phân tích nhân tố EFA, số quan sát tối thiểu được xác định là 4 hoặc 5 lần số biến (Hoàng & Chu, 2008). Như vậy, theo nghiên cứu này, số quan sát tối thiểu là $5 \times 20 = 100$ quan sát, tuy nhiên để đảm bảo tính thuyết phục và gia tăng độ tin cậy, tác giả đã tiến hành khảo sát 350 quan sát và thu về 343 quan sát hợp lệ.

Trong 343 sinh viên được khảo sát, nhóm tác giả thực hiện thống kê sơ bộ các thông tin khảo sát như: Giới tính, ngành học và năm học. Kết quả thống kê cho thấy sự chênh lệch giữa các đối tượng khảo sát về giới tính nam và nữ; trong đó, tỷ lệ giới tính nữ và nam lần lượt là 60,1% và 39,9%; và số lượng sinh viên các ngành học tài chính ngân hàng, kế toán,

logistics và quản lý chuỗi cung ứng, quản trị kinh doanh lần lượt là 28,0%; 23,0%; 20,7%; 28,3% và năm học tham gia khảo sát trải đều trong 4 năm học lần lượt là 11,7%; 26,5%; 36,2%; 25,7%.

4. Kết quả nghiên cứu

Thực việc việc đánh giá độ tin cậy Cronbach's Alpha là bước đầu tiên trong việc thực hiện mô hình cấu trúc SEM, với 16 biến số của 5 nhóm nhân tố đưa vào phân tích (bao gồm: *Cơ sở vật chất (CS)*, *Đội ngũ giảng viên (GV)*, *Chương trình đào tạo (CT)*, *Tính tích cực (TC)*, *Kết quả học tập (KQ)*), tất cả các biến đều đạt yêu cầu (hệ số tương quan biến tổng đều lớn hơn 0,3). Cùng với đó, tất cả các hệ số Cronbach's Alpha đều từ 0,7 trở lên; giao động từ mức thấp nhất là 0,719 (nhân tố *Cơ sở vật chất*) cho đến mức cao nhất là 0,866 (nhân tố *Đội ngũ giảng viên*, *Tính tích cực trong học tập*).

Bảng 2. Tổng hợp hệ số Cronbach's Alpha

Nhân tố	Số biến ban đầu	Cronbach's Alpha	Số biến hợp lệ
Cơ sở vật chất	3	0,719	3
Đội ngũ giảng viên	3	0,866	3
Chương trình đào tạo	4	0,831	4
Tính tích cực trong học tập	3	0,866	3
Kết quả học tập	3	0,785	3

Như vậy, sau khi đánh giá độ tin cậy Cronbach's Alpha, nghiên cứu có 16 biến phù hợp thuộc 5 nhân tố để đưa vào phân tích nhân tố EFA nhằm khám phá

cấu trúc thang đo của 5 nhóm nhân tố *Cơ sở vật chất (CS)*, *Đội ngũ giảng viên (GV)*, *Chương trình đào tạo (CT)*, *Tính tích cực (TC)*, *Kết quả học tập (KQ)*.

Bảng 3. Kết quả phân tích nhân tố EFA

Giá trị KMO		0,715
Kiểm định Bartlett's	Giá trị Chi-Square	2.272,490
	df	120
	Sig.	0,000

Phân tích nhân tố EFA với hệ số KMO đạt mức 0,715 lớn hơn 0,5; điều này khẳng định kết quả EFA hoàn toàn phù hợp cho việc khám phá cấu trúc các thang đo; cùng với đó, kiểm định Barlett đạt giá trị Chi-Square là 2.272,490 với hệ số Sig. nhỏ hơn 5%, cho thấy, kết quả phân tích nhân tố EFA hoàn toàn có ý nghĩa thống kê.

Bảng 4. Kết quả xoay nhân tố

	Component				
	1	2	3	4	5
CT3	0,887				
CT4	0,826				
CT2	0,824				
CT1	0,713				
TC3		0,908			
TC2		0,896			
TC1		0,861			
GV1			0,899		
GV2			0,895		
GV3			0,868		
KQ3				0,894	
KQ2				0,861	
KQ1				0,755	
VC2					0,859
VC1					0,846
VC3					0,676
Giá trị riêng	3,230	2,572	2,167	1,956	1,653
Mức độ giải thích (%)	20,188	16,077	13,545	12,225	10,332
Mức độ giải thích tích lũy (%)	20,188	36,266	49,810	62,036	72,368

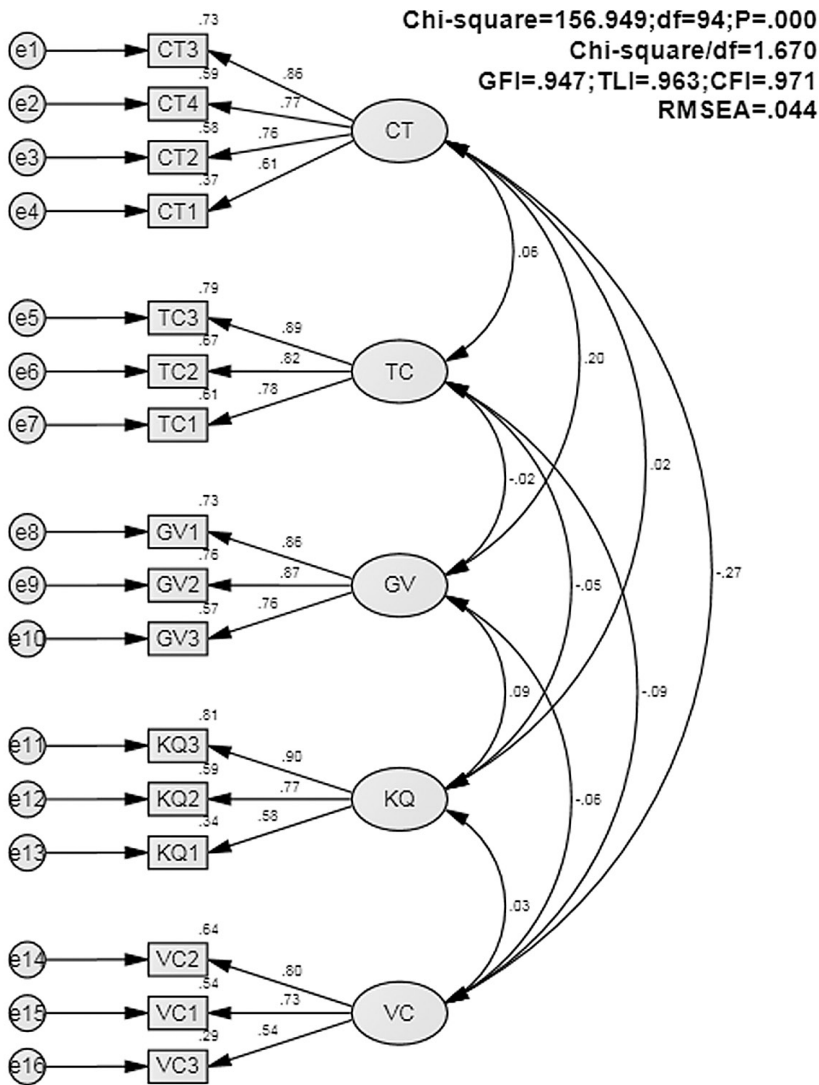
Bên cạnh đó, kết quả phân tích nhân tố EFA cho thấy điểm dừng tại dòng thứ 5 với giá trị riêng là 1,653 lớn hơn 1, điều này khẳng định các biến đưa vào phân tích sắp xếp thành 5 nhóm nhân tố và tổng phương sai trích tại dòng thứ 5 là 72,368% lớn hơn 50%; cho thấy được mức độ biến thiên của dữ liệu được giải thích đến 72,368%.

Không những thế, kết quả xoay nhân tố cho thấy 16 biến số đưa vào phân tích sắp xếp cụ thể thành 5 nhóm nhân tố *Cơ sở vật chất (CS)*, *Đội ngũ giảng viên (GV)*, *Chương trình đào tạo (CT)*, *Tình tích cực (TC)*, *Kết quả học tập (KQ)* theo kết quả cụ thể tại Bảng 4.

Bảng 5. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả phân tích CFA theo hệ số chuẩn hóa

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Chi-square/df	1,670
2	P-value của Chi-square	0,000
3	GFI	0,947
4	TLI	0,963
5	CFI	0,971
6	RMSEA	0,044

Sử dụng kết quả xoay nhân tố EFA, tác giả đưa vào phân tích nhân tố CFA và thu được các hệ số Chi-square/df = 1,670 nhỏ hơn 3, GFI = 0,947 lớn hơn 0,9; TLI = 0,963 lớn hơn 0,95; CFI = 0,971 lớn hơn 0,95 và RMSEA = 0,044 nhỏ hơn 0,08; điều này cho thấy kết quả phân tích CFA phù hợp với dữ liệu thị trường và tất cả các trọng số chuẩn hóa đều lớn hơn 0,5 nên tất cả các biến đều phù hợp; hay nói cách khác các khái niệm đạt giá trị hội tụ.



Hình 2. Kết quả phân tích CFA theo hệ số chuẩn hóa của các nhân tố

Bảng 6. Tổng hợp giá trị độ tin cậy tổng hợp và tổng phương sai trích các nhân tố

STT	Nhân tố	Độ tin cậy tổng hợp	Tổng phương sai trích
1	Cơ sở vật chất	0,815	0,705
2	Đội ngũ giảng viên	0,852	0,786
3	Chương trình đào tạo	0,823	0,712
4	Tính tích cực trong học tập	0,799	0,625
5	Kết quả học tập	0,801	0,699

Sử dụng kết quả phân tích CFA, tác giả tính toán các chỉ số độ tin cậy tổng hợp và tổng phương sai trích của tất cả các nhân tố; kết quả thu được các hệ số độ tin cậy tổng hợp các nhân tố đều lớn hơn 0,7 và tổng phương sai trích của các nhân tố đều lớn hơn 0,5. Và các khái niệm đạt giá trị phân biệt vì các hệ số tương quan từng cặp đều có hệ số Sig. nhỏ hơn

5% tức hệ số tương quan từng cặp của các khái niệm khác biệt so với 1 ở độ tin cậy 95%.

Bảng 7. Các chỉ tiêu đánh giá mô hình SEM theo hệ số chuẩn hóa

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Chi-square/df	1,642
2	P-value của Chi-square	0,000
3	GFI	0,946
4	TLI	0,965
5	CFI	0,972
6	RMSEA	0,043

Tiếp theo, tác giả chuyển hóa kết quả phân tích CFA sang mô hình SEM và thu được các hệ số Chi-square/df = 1,642 nhỏ hơn 3, GFI = 0,946 lớn hơn 0,9; TLI = 0,965 lớn hơn 0,95; CFI = 0,972 lớn hơn 0,95 và RMSEA = 0,043 nhỏ hơn 0,08; điều này cho thấy kết quả phân tích CFA phù hợp với dữ liệu thị trường.

Bảng 8. Kết quả mô hình SEM

Mối quan hệ			Hệ số hồi quy	S.E.	C.R.	P
TC	<---	VC	0,083	0,077	4,083	***
TC	<---	GV	0,029	0,055	2,515	0,016
TC	<---	CT	0,045	0,065	4,695	***
KQ	<---	TC	0,050	0,060	3,832	0,005

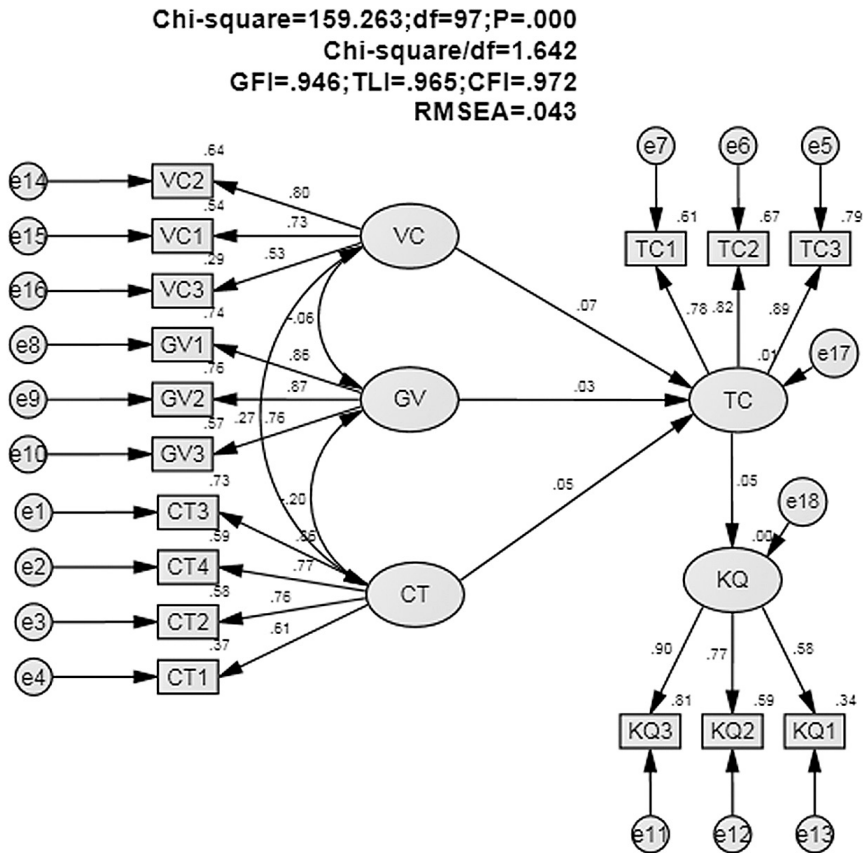
Lưu ý: *** tức là 0% (0,000).

Kết quả mô hình SEM thể hiện mối quan hệ của các nhân tố đều cho thấy các hệ số Sig. (P) của các mối quan hệ đều nhỏ hơn 5%; do đó, các mối quan

hệ giữa các nhân tố đều có ý nghĩa thống kê. Và các hệ số hồi quy đều lớn hơn 0; điều này thể hiện mối quan hệ dương (tác động tích cực) giữa các nhân tố với nhau.

Bảng 9. Kết quả mô hình SEM theo hệ số chuẩn hóa

Mối quan hệ			Hệ số hồi quy chuẩn hóa	Hệ số làm tròn theo sơ đồ
TC	<---	VC	0,074	0,07
TC	<---	GV	0,032	0,03
TC	<---	CT	0,047	0,05
KQ	<---	TC	0,052	0,05



Hình 3. Kết quả mô hình cấu trúc SEM thể hiện tác động của các nhân tố

Theo kết quả mô hình SEM cho thấy nhân tố *Cơ sở vật chất*, *Đội ngũ giảng viên*, *Chương trình đào tạo* tác động tích cực đến *Tính tích cực trong học tập* với hệ số hồi quy lần lượt là 0,07; 0,03; 0,05. Và nhân

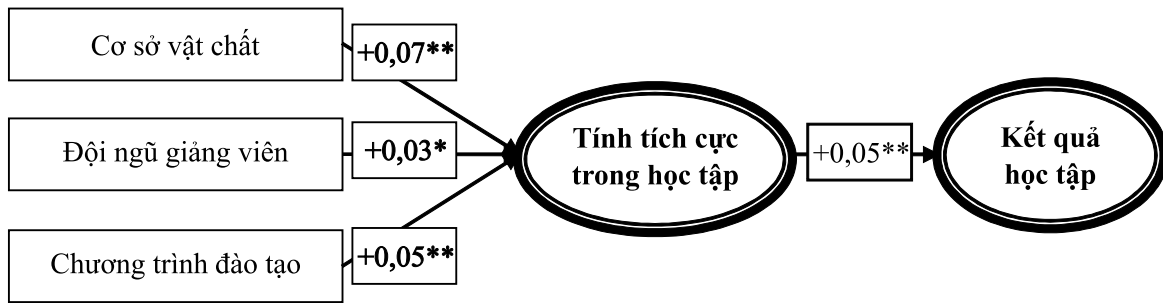
tố *Tính tích cực trong học tập* tác động tích cực đến *Kết quả học tập* với hệ số hồi quy là 0,05. Do đó, các giả thuyết nghiên cứu H_1 , H_2 , H_3 , H_4 của nhóm tác giả đề xuất hoàn toàn được chấp nhận.

Bảng 10. Kết quả kiểm định Bootstrap

Mối quan hệ			Hệ số hồi quy chuẩn hóa	Bias	SE-Bias	Giá trị CR
TC	<---	VC	0,074	0,004	0,004	1,00
TC	<---	GV	0,032	0,003	0,003	1,00
TC	<---	CT	0,047	0,003	0,006	0,50
KQ	<---	TC	0,052	0,003	0,004	0,75

Cùng với đó, căn cứ vào kết quả mô hình SEM, tác giả tiến hành kiểm định Bootstrap và thu được giá trị tuyệt đối của hệ số CR của các mối quan hệ giữa

các nhân tố đều nhỏ hơn 2; điều này khẳng định kết quả mô hình SEM hoàn toàn có thể tin cậy vì độ lệch chuẩn là rất nhỏ.



Hình 4. Kết quả mô hình SEM thể hiện tác động của các nhân tố

Ghi chú: * Có ý nghĩa 5% và ** Có ý nghĩa 1%

Bảng 11. Kết quả kiểm định Independent sample T-test và One Way Anova các biến nhân khẩu học

Biến	Nội dung	Số lượng (n)	Sig. (Independent sample T-test/ One Way Anova)	
			Tính tích cực trong học tập	Kết quả học tập
Giới tính	Nam	137	0,979*	0,101*
	Nữ	206		
Ngành học	Tài chính Ngân hàng	96	0,968**	0,526**
	Kế toán	79		
	Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng	71		
	Quản trị kinh doanh	97		
Năm học	Năm 1	40	0,405**	0,222**
	Năm 2	91		
	Năm 3	124		
	Năm 4	88		

Ghi chú: * Kiểm định Independent sample T-test; ** Kiểm định One Way Anova

Cùng với đó, kết quả kiểm định Independent sample T-test và One Way Anova (Bảng 11) cho thấy không có sự khác biệt giữa các đặc tính của các đối tượng khảo sát về Tính tích cực trong học tập và Kết quả học tập.

Như vậy, sau khi thực hiện phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính SEM, nghiên cứu đã cho thấy được tác động của các nhân tố đến Tính tích cực trong học tập của sinh viên tại thành phố Đà Nẵng, cụ thể: (1) Các nhân tố *Cơ sở vật chất*, *Đội ngũ giảng viên*, *Chương trình đào tạo* có ý nghĩa thống kê trong việc tác động đến *Tính tích cực trong học tập* của sinh viên; (2) Và nhân tố *Tính tích cực trong học tập* của sinh viên có ý nghĩa thống kê trong việc tác động đến *Kết*

quả học tập của sinh viên.

5. Kết luận và hàm ý quản trị

5.1. Kết luận

Nghiên cứu này tập trung cho thấy tác động của các nhân tố đến *Tính tích cực trong học tập* của sinh viên tại thành phố Đà Nẵng. Do đó, dựa vào nghiên cứu này, tác giả đã cho thấy được các khái niệm cơ bản về *Tính tích cực trong học tập*, *Kết quả học tập*, các giả thuyết về các nhân tố tác động đến *Tính tích cực trong học tập* và mối quan hệ giữa *Tính tích cực trong học tập* và *Kết quả học tập*.

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu của các nhà nghiên cứu đi trước, tác giả tiến hành tổng hợp các

thang đo và đề xuất mô hình nghiên cứu đề xuất cùng với việc thực hiện nghiên cứu định tính để điều chỉnh thang đo và mô hình cho phù hợp hơn với bối cảnh nghiên cứu.

Kết quả chính của nghiên cứu cho thấy được tác động của các nhân tố đến *Tính tích cực trong học tập* của sinh viên tại thành phố Đà Nẵng, cụ thể: (1) Các nhân tố *Cơ sở vật chất*, *Đội ngũ giảng viên*, *Chương trình đào tạo* có ý nghĩa thống kê trong việc tác động đến *Tính tích cực trong học tập* của sinh viên; (2) Và nhân tố *Tính tích cực trong học tập* của sinh viên có ý nghĩa thống kê trong việc tác động đến *Kết quả học tập* của sinh viên.

5.2. Các hàm ý quản trị

Căn cứ vào kết quả mô hình nghiên cứu đạt được, tác giả đề xuất các hàm ý quản trị nhằm gia tăng *Tính tích cực trong học tập* đối với sinh viên, từ đó thúc đẩy kết quả học tập cao hơn, các hàm ý quản trị cụ thể như sau:

Các hàm ý quản trị đối với Cơ sở vật chất: (1) Thực hiện công tác rà soát, sắp xếp bàn ghế gọn gàng, cũng như việc thiết kế phòng học theo hướng tối đa hóa diện tích, để người học được thoải mái hơn khi tham gia học tập; (2) Cần phải thường xuyên kiểm tra, bảo trì và bảo dưỡng hoặc thay mới các thiết bị, máy móc cần thiết nhằm đảm bảo đủ ánh sáng và âm thanh tốt nhất cho công tác giảng dạy và học tập; (3) Thực hiện trích lập các khoản dự trữ tài chính nhằm chuẩn bị sẵn nguồn tài chính cho việc mua sắm các trang thiết bị mới để bắt kịp xu hướng hiện đại hóa trong việc cập nhật trang thiết bị dạy và học tốt nhất.

Các hàm ý quản trị đối với nhân tố Đội ngũ giảng viên: (1) Tạo điều kiện và thúc đẩy tinh thần tự học hỏi, liên kết các tổ chức/doanh nghiệp để giảng viên có cơ hội tiếp cận thực tế, nhằm gia tăng kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm thực tế vào công việc giảng dạy; (2) Thường xuyên kiểm tra và rà soát các nội dung giảng dạy, các giáo trình giảng dạy nhằm đảm bảo tính mới, tính cập nhật về tri thức của giảng viên, đáp ứng nhu cầu giảng dạy tốt nhất; (3) Tạo ra những cuộc họp trao đổi thông tin thoải mái, từ đó các giảng viên chủ động chia sẻ kinh nghiệm làm việc với nhau, tích lũy kiến thức và chủ động tìm hiểu rõ hơn các vấn đề mới, nâng cao tinh thần truyền dạy và hướng dẫn sinh viên tốt hơn.

Các hàm ý quản trị đối với nhân tố Chương trình đào tạo: (1) Quan tâm đến các chương trình đào tạo mới, các môn học mới từ các trường đại học lớn trên thế giới và trong nước nhằm cập nhật và bổ sung các môn học phù hợp với xu thế của thị trường và nhu cầu người học; (2) Gia tăng khối lượng thời gian thực hành đi đôi với học phần lý thuyết nhằm giúp sinh viên tiếp cận với thực tế nhiều hơn; (3) Duy trì việc khảo sát ý kiến đánh giá của người học, cựu người học, các đơn vị sử dụng lao động về chương trình đào tạo để tiếp nhận và cập nhật những thông tin mới nhất về nhu cầu thị trường, nhu cầu từ phía người học để có thể có chương trình đào tạo phù hợp với thực tế và nhu cầu người học; cùng với đó là việc công khai chương trình đào tạo để người học được tiếp cận và có kế hoạch học tập tốt nhất.

Mặc dù cố gắng hoàn thiện nghiên cứu một cách tốt nhất, tuy nhiên, do sự giới hạn về thời gian và kiến thức, nghiên cứu vẫn còn những hạn chế nhất định như số quan sát còn khá ít, phạm vi nghiên cứu chỉ thực hiện tại địa bàn thành phố Đà Nẵng (cụ thể tại Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng). Do đó, các nghiên cứu theo sau có thể gia tăng số quan sát và mở rộng phạm vi nghiên cứu trên nhiều tỉnh, thành khác nhằm gia tăng mức độ ứng dụng của kết quả nghiên cứu.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Kiến trúc Đà Nẵng, mã số KTD 2022-03./.

Tài liệu tham khảo

- Akwa, F. , Remeimh, M. and Aljaboubi, Z. (2016). The impact of the use of active learning strategies in the teaching of medical devices the decision to collect the students of the fourth level biomedical engineering at the University of Science & Technology. *Arab Journal of quality assurance in higher education - Yemen*, 9(42), 3-16.
- Al-mehsin, S. A. & Abdul-Aziz, P. S. (2017). The Effectiveness of a Training Program Based on Active Learning Strategies and its Relationship to Reading Comprehension in both Critical and Creative Levels. *Research on Humanities and Social Sciences*, 7(2), 96-104.
- Boniwell, I., Osin, E. N., & Martinez, C. (2016). Teaching happiness at school: non-randomised

- controlled mixed-methods feasibility study on the effectiveness of personal well-being lessons. *Journal of Positive Psychology*, 11(1), 85-98. <https://doi.org/10.1080/17439760.2015.1025422>.
- Conoley, C. W., Conoley, J. C., Spaventa-Vancil, K. Z., & Lee, A. N. (2014). *Positive psychology in schools: Good ideas are never enough*. In M. J. Furlong, R. Gilman, & E. S. Huebner (Eds.), *Handbook of Positive Psychology in Schools* (Educational Psychology Handbook Series) (2nd ed.). New York: Routledge.
- Gabdrakhmanova, R. G., Garnaeva, G. I., Nefediev, L. A. & Khuziakhmetov, A. N. (2019). Factors Affecting the Quality of Learning Outcome in a Higher Educational Institution. *Proceedings IFTE-2019 (International Forum on Teacher Education)*, 927-936, doi:10.3897/ap.1.e0881.
- Halliday, A. J., Kern, M. L., Garrett, D. K. & Turnbull, D. A. (2019). Understanding Factors Affecting Positive Education in Practice: an Australian Case Study. *Contemporary School Psychology*. <https://doi.org/10.1007/s40688-019-00229-0>
- Hoàng, T., & Chu, N. M. N. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, tập 1. NXB Hồng Đức.
- Hoàng, T., & Chu, N. M. N. (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, tập 2. NXB Hồng Đức.
- Hofman, H., Wright, P., Lê Thu Hoà và Nguyễn Hữu Cát biên dịch. (2005), *Học tích cực - Bước tiếp theo để tăng cường giáo dục y khoa tại Việt Nam*, Dự án Việt Nam - Hà Lan: Tăng cường giảng dạy hướng cộng đồng trong tám trường đại học Y Việt Nam.
- Kern, M. L., Park, N., Peterson, C., & Romer, D. (2017b). *The positive perspective on youth development*. In D. Romer, D. L. Evans, E. B., Foa, R. E. Gur, H. Hendin, C. P. O'Brien, et al. (Eds.), *Treating and Preventing Adolescent Mental Disorders: What we know and what we don't know* (2nd, 543-567): Oxford University Press.
- Thái, D. T. (2003). Phát huy tính tích cực hoạt động nhận thức của người học. *Tạp chí Giáo dục*, 48, 13-16.
- Vũ, T. T. M. (2011). *Tính tích cực học tập của học viên cao học: Tác động của các yếu tố cá nhân và các yếu tố môi trường đào tạo*. Luận văn thạc sỹ Xã hội học. Hà Nội.